

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-9-2024.  
V/v ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Tài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phước
2. Ông Phạm Hữu Thắng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Đồ Ngọc Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Khu D, số A, Khu dân cư T, Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Mai Lam T1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A A, đường Đ, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm T và ông Mai Lam T1 là vợ chồng, tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày 24-11-2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 12/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, không còn yêu thương, quan tâm với nhau, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 01/2024 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Trần Thị Cẩm T và ông Mai Lam T1 có một con chung tên là Mai Thảo V (nữ), sinh ngày 28-10-2021. Hiện nay cháu V đang sống cùng bà T.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Mai Lam T1.

Về con chung: Sau khi ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Mai Thảo V (nữ), sinh ngày 28-10-2021. Không yêu cầu ông Mai Lam T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mai Lam T1 có văn bản trình bày ý kiến với nội dung:*

Về mâu thuẫn gia đình, thì giữa ông và bà T có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân không phải do ông. Nay ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T vì ông còn thương vợ, con. Trường hợp, bà T cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý giao con chung là cháu Mai Thảo V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung thì vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung thì không có.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn ông Mai Lam T1 đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu

tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Mai Lam T1, xét thấy: Bị đơn ông Mai Lam T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng vắng mặt không lý do đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn với ông Mai Lam T1. Thấy rằng: Bà Trần Thị Cẩm T và ông Mai Lam T1 là vợ chồng, tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày 24-11-2020. Nên hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, đến đầu năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không phù hợp làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 trình bày là không đồng ý ly hôn, nhưng ông không đưa ra được biện pháp để hàn gắn, khắc phục những mâu thuẫn giữa vợ chồng. Tòa án đã triệu tập ông T1 đến làm việc và hòa giải nhưng ông T1 không đến và ông cũng vắng mặt tại phiên tòa, chứng tỏ ông T1 không thiện chí muốn hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng để quay về đoàn tụ. Xét thấy, những mâu thuẫn trên thể hiện được tình trạng hôn nhân của bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được. Từ tháng 01/2024 đến nay, ông bà không còn sống chung với nhau như vợ chồng, thể hiện được cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, ông bà không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T. Thấy rằng, cháu Mai Thảo V (nữ), sinh ngày 28-10-2021. Hiện nay cháu V dưới 36 tháng tuổi và đang sinh sống ổn định với bà T. Đồng thời, ông T1 cũng đồng ý sau khi ly hôn thì giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V.

Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn của bà T.

Về việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Cháu Mai Thảo V đang sống cùng bà T, hiện nay cuộc sống ổn định. Bà Trần Thị Cẩm T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu V. Bà T cũng không yêu cầu ông T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông Mai Lam T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Mai Thảo V (nữ), sinh ngày 28-10-2021 theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T và bị đơn ông Mai Lam T1 trình bày là tự thỏa thuận, không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T và bị đơn ông Mai Lam T1 trình bày là không có, không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị Cẩm T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1997 được ly hôn với ông Mai Lam T1, sinh năm 1982.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Trần Thị Cẩm T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Mai Thảo V (nữ), sinh ngày 28-10-2021. Ông Mai Lam T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Mai Lam T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Mai Thảo V theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Cẩm T phải chịu án phí về ly hôn số tiền 300.000 đồng; Sau khi cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001905 ngày 03/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, bà T đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường 2, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Lê Phước Tài**

